

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN
LUẬT CHỨNG KHOÁN**

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 (sau đây gọi chung là Luật năm 2006) được ban hành đã tạo hành lang pháp lý quan trọng, đầy đủ đảm bảo thị trường chứng khoán (TTCK) hoạt động công khai, minh bạch, an toàn và hiệu quả.

Tuy nhiên, theo đánh giá của Chính phủ¹ thì bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn sau hơn 10 năm thi hành Luật năm 2006 đã bộc lộ một số vướng mắc, hạn chế, bất cập như: nội dung một số điều khoản trong Luật chưa rõ ràng, cụ thể, dẫn đến cách hiểu khác nhau và gây khó khăn trong áp dụng; một số điều khoản không còn phù hợp với thực tiễn; chưa tương thích với thông lệ quốc tế..., cùng với đó là những sửa đổi của các Bộ luật, Luật, như: Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo..., thì Luật năm 2006 còn thiếu những quy định mang tính đặc thù áp dụng cho lĩnh vực chứng khoán để bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và hoạt động trên TTCK.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế này, ngày 26/11/2019, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 (sau đây gọi tắt là Luật), để thay thế Luật năm 2006 là cần thiết, theo mục tiêu, quan điểm mà Chính phủ đề ra như sau:

Thứ nhất, việc ban hành Luật với mục tiêu nhằm hoàn thiện thể chế, ổn định môi trường pháp lý, bảo đảm cho sự phát triển ổn định, bền vững, an toàn của TTCK, đáp ứng yêu cầu hội nhập, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với TTCK; góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, bảo đảm TTCK là kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng của nền kinh tế.

Thứ hai, về quan điểm, bảo đảm các quan điểm sau:

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, phát triển đồng bộ thị trường vốn và TTCK, trong đó xây dựng TTCK trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển.

- Đảm bảo TTCK hoạt động minh bạch, bền vững, an toàn, chuyên nghiệp, hiện đại; tiếp cận với thông lệ, chuẩn mực quốc tế, xu hướng phát triển trong bối cảnh cách

¹ Tại Tờ trình số 186/TTr-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ trình Quốc hội về dự án Luật Chứng khoán (sửa đổi).

mạng công nghệ 4.0, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; bảo đảm tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia ký kết.

- Kế thừa những quy định pháp luật về chứng khoán còn phù hợp; bổ sung những nội dung chưa được điều chỉnh; sửa đổi quy định chưa rõ, bất cập; loại bỏ những quy định không còn phù hợp; luật hóa một số quy định hiện hành đã ổn định và phù hợp với thực tế; xử lý những vướng mắc, hạn chế hiện nay của TTCK. Đồng thời, cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động chứng khoán và TTCK góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật gồm 10 chương, 135 điều quy định các hoạt động về chứng khoán và TTCK; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chứng khoán; tổ chức thị trường chứng khoán; quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK, cụ thể:

- Chương I: Những quy định chung, gồm 12 điều (từ Điều 1 đến Điều 12), quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; áp dụng Luật Chứng khoán, các luật có liên quan; giải thích từ ngữ; nguyên tắc hoạt động về chứng khoán và TTCK; chính sách phát triển thị trường chứng khoán; biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn TTCK; quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chứng khoán; nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và TTCK.

- Chương II: Chào bán chứng khoán, gồm 2 mục, 19 điều (từ Điều 13 đến Điều 31), cụ thể:

+ Mục 1: Chào bán chứng khoán ra công chúng, gồm 17 điều (từ Điều 13 đến Điều 29) quy định về: mệnh giá chứng khoán; hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng; điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng; đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng; điều kiện thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng; hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng; bản cáo bạch; báo cáo tài chính; tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận; sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng; thông tin trước khi chào bán chứng khoán ra công chúng; cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng; phân phối chứng khoán; đình chỉ chào bán chứng khoán ra công chúng; hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng và nghĩa vụ của tổ chức phát hành.

+ Mục 2: Chào bán chứng khoán riêng lẻ, gồm 02 điều (Điều 30 và Điều 31) quy định về: chào bán chứng khoán riêng lẻ của tổ chức phát hành không phải là công ty đại chúng và chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

- Chương III: Công ty đại chúng, gồm 2 mục, 10 điều (từ Điều 32 đến Điều 41), cụ thể:

+ Mục 1: Quy định chung về công ty đại chúng, gồm 08 điều (từ Điều 32 đến Điều 39) quy định về: công ty đại chúng (CTĐC); hồ sơ đăng ký CTĐC; quyền và nghĩa vụ của CTĐC; chào mua công khai; CTĐC mua lại cổ phiếu của chính mình; báo cáo mua lại cổ phiếu, công bố thông tin và thực hiện việc mua lại cổ phiếu; hủy tư cách CTĐC và hồ sơ hủy tư cách CTĐC.

+ Mục 2: Quản trị công ty áp dụng đối với CTĐC, gồm 02 điều (Điều 40 và Điều 41) quy định về: nguyên tắc quản trị công ty áp dụng đối với CTĐC và nội dung quản trị công ty áp dụng đối với CTĐC.

- Chương IV: Thị trường giao dịch chứng khoán, gồm 10 điều (từ Điều 42 đến Điều 51) quy định về: tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán; thành lập và hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con; cơ cấu tổ chức quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; điều lệ Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; quyền và nghĩa vụ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tạm ngừng, đình chỉ, khôi phục hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con; giao dịch chứng khoán; tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam.

- Chương V: Đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, gồm 18 điều (từ Điều 52 đến Điều 69), quy định về: thành lập và hoạt động của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; điều lệ Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán; hồ sơ đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán; thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán; đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán; đăng ký chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; xác lập, chuyển quyền sở hữu và quyền khác đối với chứng khoán; bảo vệ tài sản của khách hàng; quỹ hỗ trợ thanh toán; quỹ bù trừ; tạm ngừng, đình chỉ, khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và ngân hàng thanh toán.

- Chương VI: Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, gồm 4 mục, 29 điều (từ Điều 70 đến Điều 98), cụ thể:

+ Mục 1: Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, gồm 15 điều (từ Điều 70 đến Điều 84) quy định về: thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán; đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh; nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán; nghiệp vụ kinh doanh của

công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán; điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; hồ sơ, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; điều lệ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán; tên của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công bố thông tin hoạt động và ngày chính thức hoạt động.

+ Mục 2: Hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, gồm 08 điều (từ Điều 85 đến Điều 92) quy định về: duy trì các điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; những hoạt động phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; quản lý tài sản của khách hàng; nghĩa vụ của công ty chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam; nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; hạn chế đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và an toàn tài chính.

+ Mục 3: Tổ chức lại, đình chỉ và thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, gồm 04 điều (từ Điều 93 đến Điều 96) quy định về: tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; đình chỉ hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và giải thể, phá sản công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

- Mục 4: Hành nghề chứng khoán, gồm 02 điều (Điều 97 và Điều 98) quy định về: chứng chỉ hành nghề chứng khoán và trách nhiệm của người hành nghề chứng khoán.

- Chương VII: Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát, gồm 4 mục, 19 điều (từ Điều 99 đến Điều 117), cụ thể:

+ Mục 1: Quy định chung về quỹ đầu tư chứng khoán, gồm 09 điều (từ Điều 99 đến Điều 107) quy định về: các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán; thành lập và tổ chức hoạt

động của quỹ đầu tư chứng khoán; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư tham gia vào quỹ đầu tư chứng khoán; đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán; điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán; giải thể quỹ đầu tư chứng khoán; hợp nhất, sáp nhập quỹ đầu tư chứng khoán; xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán và báo cáo về quỹ đầu tư chứng khoán.

+ Mục 2: Quỹ đại chúng và quỹ thành viên, gồm 06 điều (từ Điều 108 đến Điều 113) quy định về: huy động vốn để thành lập quỹ đại chúng; ban đại diện quỹ đại chúng; hạn chế đối với quỹ đại chúng; quỹ mở; quỹ đóng và thành lập quỹ thành viên.

+ Mục 3: Công ty đầu tư chứng khoán, gồm 02 điều (Điều 114 và Điều 115) quy định về: công ty đầu tư chứng khoán; thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán.

+ Mục 4: Ngân hàng giám sát, gồm 02 điều (Điều 116 và Điều 117) quy định về: ngân hàng giám sát và hạn chế đối với ngân hàng giám sát.

- Chương VIII: Công bố thông tin, gồm 11 điều (từ Điều 118 đến Điều 128), quy định về: Đối tượng công bố thông tin; nguyên tắc công bố thông tin; công bố thông tin của công ty đại chúng; công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng; công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp; công bố thông tin của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; công bố thông tin về quỹ đại chúng; công bố thông tin về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng và công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

- Chương IX: Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại, gồm 5 điều (từ Điều 129 đến Điều 133), quy định về: Thanh tra chứng khoán; nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về chứng khoán và TTCK; trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về chứng khoán và TTCK; xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại.

- Chương X: Điều khoản thi hành, gồm 2 điều (Điều 134 và Điều 135), quy định về: hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

III. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Những quy định chung

- Về phạm vi điều chỉnh: được sửa đổi, bổ sung bảo đảm bao quát các nội dung cần điều chỉnh. Theo đó, Luật này quy định các hoạt động về chứng khoán và TTCK; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chứng khoán; tổ chức TTCK; quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK.

- Về đối tượng áp dụng: Đối tượng áp dụng của Luật bao gồm tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư chứng khoán và hoạt động trên TTCK Việt Nam; cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động chứng khoán và TTCK.

- Về nguyên tắc áp dụng Luật Chứng khoán, các luật có liên quan, Luật quy định: các hoạt động chứng khoán và TTCK, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chứng khoán, tổ chức TTCK, quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Về giải thích từ ngữ: Bổ sung, luật hóa 14 thuật ngữ; sửa đổi, chuẩn hóa 18 thuật ngữ, để bảo đảm phù hợp hơn với thực tiễn và pháp luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý bảo đảm thống nhất trong thực tiễn áp dụng.

- Quy định các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn TTCK: Để bảo đảm an ninh, an toàn TTCK, Luật quy định các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn TTCK và thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý về chứng khoán và TTCK trong việc thực hiện các biện pháp đó; giao Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn TTCK. Theo đó, biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn TTCK bao gồm: (i) Giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán; (ii) Ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn TTCK; (iii) Tạm ngừng, đình chỉ giao dịch đối với một hoặc một số chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán; (iv) Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) Việt Nam và công ty con; (v) Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (vi) Cấm đảm nhiệm chức vụ tại công ty chứng khoán (CTCK), công ty quản lý quỹ (CTQLQ) đầu tư chứng khoán, chi nhánh CTCK và CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán (CTĐTCK) có thời hạn hoặc vĩnh viễn, cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và TTCK có thời hạn hoặc vĩnh viễn do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và TTCK; (vii) Phong tỏa tài khoản chứng khoán, yêu cầu người có thẩm quyền phong tỏa tài khoản tiền có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán và TTCK.

Việc quy định các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn TTCK để phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo cơ sở pháp lý cũng như xác định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý TTCK trong việc thực hiện các biện pháp mang tính phòng ngừa cũng như kịp thời khắc phục, xử lý các sự cố, biến động bất thường của TTCK làm ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch bình thường của thị trường giao dịch chứng khoán.

- Về quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK: Trên cơ sở nội dung quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK, kế thừa quy định của Luật năm 2006, Luật năm 2019 đã cụ thể hóa các nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính; tăng cường phân cấp, quyền hạn, trách nhiệm cho Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN) để có đầy đủ thẩm quyền và năng lực thực thi chức năng quản lý, giám sát hoạt động của TTCK.

- Về tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chứng khoán: Luật bổ sung quy định này để tạo khung pháp lý cho vai trò và hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chứng khoán. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chứng khoán được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về hội và có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán, chịu sự giám sát của UBCKNN trong hoạt động liên quan đến lĩnh vực chứng khoán. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chứng khoán ban hành bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp sau khi được UBCKNN chấp thuận, phối hợp với cơ quan quản lý về chứng khoán và TTCK trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chứng khoán đến các hội viên.

- Về các hành vi bị cấm: được sửa đổi, bổ sung bảo đảm thống nhất với các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Theo đó, các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động chứng khoán và TTCK, gồm:

+ Trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện hành vi gian lận, lừa đảo, làm giả tài liệu, tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin hoặc bỏ sót thông tin cần thiết gây hiểu nhầm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng khoán.

+ Sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán cho chính mình hoặc cho người khác; tiết lộ, cung cấp thông tin nội bộ hoặc tư vấn cho người khác mua, bán chứng khoán trên cơ sở thông tin nội bộ.

+ Sử dụng một hoặc nhiều tài khoản giao dịch của mình hoặc của người khác hoặc thông đồng để thực hiện việc mua, bán chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo; giao dịch chứng khoán bằng hình thức cấu kết, lôi kéo người khác mua, bán để thao túng giá chứng khoán; kết hợp hoặc sử dụng các phương pháp giao dịch khác hoặc kết hợp tung tin đồn sai sự thật, cung cấp thông tin sai lệch ra công chúng để thao túng giá chứng khoán.

+ Thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng khoán khi chưa được UBCKNN cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoặc chấp thuận.

+ Sử dụng tài khoản, tài sản của khách hàng khi không được khách hàng ủy thác hoặc trái quy định của pháp luật hoặc lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của khách hàng.

+ Cho người khác mượn tài khoản để giao dịch chứng khoán, đứng tên sở hữu chứng khoán hộ người khác dẫn đến hành vi thao túng giá chứng khoán.

+ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán trái quy định của Luật Chứng khoán.

Như vậy, có thể thấy Luật năm 2019 đã bổ sung và quy định rõ hơn các hành vi bị nghiêm cấm để phù hợp với thực tiễn. Tùy vào tính chất và mức độ vi phạm của hành vi mà bị xử lý vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại, truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Về chào bán chứng khoán

- Về phạm vi điều chỉnh hoạt động chào bán chứng khoán: Luật đã quy định rõ và thống nhất với Luật Doanh nghiệp về phạm vi điều chỉnh hoạt động chào bán chứng khoán. Theo đó, Luật Chứng khoán điều chỉnh hoạt động chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán chứng khoán của Công ty đại chúng (CTĐC). Chào bán chứng khoán riêng lẻ của tổ chức phát hành không phải là CTĐC được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Chào bán chứng khoán ra công chúng: điều kiện chào bán được sửa đổi, bổ sung, chuẩn hóa theo hướng chặt chẽ hơn, phù hợp với thông lệ quốc tế, nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng chính sách thông thoáng để phát hành với giá trị quá lớn, tiềm ẩn rủi ro đối với các nhà đầu tư chứng khoán và sử dụng vốn không đúng mục đích.

+ Điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng: tách bạch điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và điều kiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho phù hợp.

(i) Đối với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng: Luật năm 2019 đã nâng điều kiện về vốn điều lệ đã góp từ 10 tỷ đồng (tại Luật năm 2006) lên 30 tỷ đồng, phù hợp với sự phát triển của quy mô doanh nghiệp hiện nay, tương thích với điều kiện niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán (SGDCK) Hà Nội để gắn chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng với niêm yết chứng khoán; nâng điều kiện kết quả hoạt động kinh doanh từ 01 năm (tại Luật năm 2006) lên 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán có lãi để bảo đảm lựa chọn những công ty có hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định, năng lực tài chính tốt; bổ sung quy định điều kiện tối thiểu số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn để bảo đảm phù hợp với điều kiện niêm yết tại SGDCK và tính thanh khoản của cổ phiếu công ty khi chào bán lần đầu ra công chúng, phù hợp với thông lệ quốc tế; quy định điều kiện cổ phiếu của tổ chức phát hành phải được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên SGDCK sau khi kết thúc đợt chào bán để gắn chào bán chứng khoán ra công chúng với niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK.

(ii) Điều kiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng: Quy định điều kiện về quy mô của đợt phát hành thêm theo mệnh giá không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá, trừ một số trường hợp cụ thể được quy định trong Luật. Đối với đợt chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của tổ chức phát hành, Luật quy định đợt chào bán được coi là thành công khi cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư đạt tối thiểu 70% số cổ phiếu dự kiến chào bán; tổ chức phát

hành phải có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án.

(iii) Về điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng: Luật nâng điều kiện về vốn của doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng từ 30 tỷ đồng Việt Nam trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán (Luật năm 2016 là 10 tỷ đồng). Bổ sung điều kiện có kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định của Chính phủ về các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm và thời điểm áp dụng để phù hợp với Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 14/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Gắn chào bán chứng khoán ra công chúng với niêm yết, đăng ký giao dịch trên TTCK: Để thực hiện mục tiêu gắn chào bán chứng khoán ra công chúng với niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK, giảm thiểu thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian hoàn tất đợt chào bán để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức phát hành, Luật đã bổ sung quy định về điều kiện và nghĩa vụ của doanh nghiệp khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho UBCKNN thì đồng thời phải nộp hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cho SGDCK.

+ Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận: Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát chất lượng hoạt động của các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, phù hợp với thông lệ quốc tế, qua đó nâng cao chất lượng chứng khoán chào bán ra công chúng, Luật bổ sung quy định UBCKNN xem xét, chấp thuận và công khai danh sách tổ chức kiểm toán và danh sách kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. Đồng thời, bổ sung, quy định rõ nghĩa vụ của tổ chức này khi thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

- Chào bán chứng khoán riêng lẻ: Luật đã sửa đổi phù hợp với thông lệ quốc tế, tránh việc các doanh nghiệp lạm dụng chào bán riêng lẻ thay vì chào bán ra công chúng; quy định rõ đối tượng tham gia chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của CTĐC chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và bị hạn chế chuyển nhượng (tối thiểu 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp).

3. Công ty đại chúng

- Điều kiện CTĐC: Thực tế các CTĐC có quy mô vốn nhỏ như hiện nay (10 tỷ đồng theo quy định tại Luật năm 2006) sẽ khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ của CTĐC trên TTCK, bao gồm: nghĩa vụ nộp phí quản lý CTĐC; nghĩa vụ đăng ký chứng khoán, đăng ký niêm yết/giao dịch trên TTCK; chi phí cho nghĩa vụ công bố thông tin (lập website và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin qua website, thiết lập hệ thống và thực hiện công bố thông tin qua hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, bố trí người ủy quyền thực hiện công bố thông tin...); nghĩa vụ quản trị công ty; chi phí kiểm toán bắt buộc theo quy định của Luật Chứng khoán... Với mục

tiêu nâng cao chất lượng hàng hóa trên TTCK, bảo đảm quy mô, tính đại chúng của công ty, tính khả thi trong thực hiện, không gây xáo trộn TTCK, Luật đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về CTĐC so với Luật năm 2006 như sau:

+ Sửa đổi điều kiện về cơ cấu có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ và nâng điều kiện về vốn điều lệ đã góp tối thiểu từ 30 tỷ đồng trở lên (thay vì 10 tỷ đồng như quy định tại Luật năm 2006) cho phù hợp với thực tiễn.

+ Sửa đổi lại quy định về đăng ký CTĐC cho phù hợp với từng loại CTĐC. Theo đó, đối với công ty có vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng Việt Nam trở lên và có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ thì phải nộp hồ sơ đăng ký CTĐC cho UBCKNN trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày công ty hoàn thành việc góp vốn và có cơ cấu cổ đông đáp ứng quy định.

+ Bổ sung quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký CTĐC đầy đủ và hợp lệ của CTCP theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này² hoặc nhận được báo cáo kết quả hoàn thành đợt chào bán của CTCP theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này³, UBCKNN có trách nhiệm xác nhận hoàn tất việc đăng ký CTĐC, đồng thời công bố tên, nội dung kinh doanh và các thông tin khác liên quan đến CTĐC trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN.

- Hồ sơ đăng ký CTĐC: Được quy định chặt chẽ hơn, phù hợp với việc nâng điều kiện CTĐC và tình hình thực tế. Theo đó, hồ sơ đăng ký CTĐC bao gồm: (i) Giấy đăng ký CTĐC; (ii) Điều lệ công ty; (iii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (iv) Bản công bố thông tin về CTĐC bao gồm thông tin tóm tắt về mô hình tổ chức bộ máy, hoạt động kinh doanh, bộ máy quản lý, cơ cấu cổ đông, tài sản, tình hình tài chính và các thông tin khác; (v) Báo cáo tài chính năm gần nhất của CTCP được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp công ty tăng vốn điều lệ sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất, công ty phải bổ sung báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán; (vi) Danh sách cổ đông.

- Về quyền, nghĩa vụ của CTĐC: Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật liên quan, Luật quy định CTĐC có các quyền cụ thể khác như:

- + Công bố thông tin theo quy định của Luật này;
- + Tuân thủ quy định về quản trị công ty theo quy định của Luật này;
- + Thực hiện đăng ký cổ phiếu tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều 61 của Luật này;
- + CTĐC quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Luật này phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày

² “a) Công ty có vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ”.

³ “b) Công ty đã thực hiện chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng thông qua đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này”.

kể từ ngày UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký CTĐC. Sau 02 năm kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết, CTĐC có quyền nộp hồ sơ đăng ký niêm yết khi đáp ứng các điều kiện niêm yết chứng khoán;

+ CTĐC quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này phải đưa cổ phiếu vào niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng.

- Chào mua công khai: Để bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch, nhằm ngăn ngừa tình trạng lách luật, thực hiện mua gom trong thời hạn dài dẫn đến sở hữu tỷ lệ chi phối/kiểm soát công ty mà không chào mua công khai, thực hiện thu gom không công bằng, Luật sửa đổi quy định rõ các chủ thể phải thực hiện chào mua công khai, sửa đổi các mốc sở hữu cụ thể phải chào mua công khai; trường hợp không phải chào mua công khai được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải quy định rõ đối tượng chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng.

- Về CTĐC mua lại cổ phiếu của chính mình: Pháp luật hiện hành không có quy định về bắt buộc các CTĐC khi mua lại cổ phiếu của chính mình phải làm thủ tục giảm vốn như quy định của Luật Doanh nghiệp, đây là một trong những kẽ hở của pháp luật có thể bị doanh nghiệp lợi dụng. Do vậy, Luật đã sửa đổi theo hướng thống nhất với quy định tại Điều 131 Luật Doanh nghiệp⁴, theo đó công ty mua lại cổ phiếu của chính mình phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu. Luật cũng quy định việc mua lại cổ phiếu được miễn trừ điều kiện trong một số trường hợp như: mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp; mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu; CTCK mua lại cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ.

- Quản trị CTĐC: Xác định nguyên tắc quản trị CTĐC áp dụng theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

⁴ **Điều 131. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật này. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Luật Doanh nghiệp đã quy định nhiều nội dung về quản trị công ty và tiệm cận với thông lệ quốc tế. Vì vậy, Luật đã sửa đổi, bổ sung một số quy định về nguyên tắc quản trị công ty áp dụng với CTĐC để đảm bảo yêu cầu đặc thù về quản trị công ty đối với CTĐC của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD/G20 năm 2015); quy định một số nội dung chủ yếu về quản trị CTĐC (quyền và nghĩa vụ của cổ đông; triệu tập, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông; thành phần cơ cấu, trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị; đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị; quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị; ngăn ngừa xung đột lợi ích, công bố thông tin) và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này để bảo đảm linh hoạt trong thực tiễn áp dụng, phù hợp với điều kiện thực tế trong từng giai đoạn.

4. Thị trường giao dịch chứng khoán

- Về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán: Kế thừa Luật năm 2006, Luật năm 2019 quy định SGDCK Việt Nam và công ty con được tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán cho chứng khoán đủ điều kiện niêm yết; chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành CTCP; chứng khoán của các doanh nghiệp khác chưa đủ điều kiện niêm yết; chứng khoán của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; chứng khoán phái sinh và các loại chứng khoán khác theo quy định của Chính phủ. Đồng thời, quy định rõ ngoài SGDCK Việt Nam và công ty con, không tổ chức, cá nhân nào được phép tổ chức và vận hành thị trường giao dịch chứng khoán.

- Mô hình tổ chức và hoạt động, bộ máy quản lý, điều hành, Điều lệ của SGDCK: Mô hình tổ chức của SGDCK được sửa đổi cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp, đồng thời cũng tính đến các yếu tố đặc thù trong thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể của SGDCK bảo đảm cho SGDCK thực hiện tốt chức năng tổ chức và giám sát hoạt động giao dịch chứng khoán, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, không gây xáo trộn về tổ chức và hoạt động của các SGDCK, phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.

Theo đó, Luật quy định SGDCK Việt Nam là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, giải thể, chuyển đổi cơ cấu tổ chức, hình thức sở hữu và việc kết nối giao dịch chứng khoán với Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của SGDCK theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Về bộ máy quản lý, điều hành của SGDCK được quy định phù hợp với từng mô hình doanh nghiệp (công ty TNHH hoặc công ty cổ phần), thống nhất với Luật Doanh nghiệp. Kế thừa Luật năm 2006, Luật năm 2019 quy định Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) SGDCK do Bộ trưởng Bộ Tài chính phê chuẩn theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị và ý kiến của Chủ tịch UBCKNN; Điều lệ SGDCK được Bộ Tài chính phê chuẩn theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị SGDCK và ý kiến của Chủ tịch UBCKNN. Quy định này thể hiện trách nhiệm của UBCKNN, Bộ Tài chính trong vai trò là cơ quan quản lý chuyên ngành đối với TTCK, đáp ứng yêu cầu quản lý đối với lĩnh

vực đặc thù là chứng khoán, bảo đảm thực hiện đúng theo nguyên tắc được khuyến nghị bởi IOSCO và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Quyền và nghĩa vụ của SGDCK: Luật năm 2019 kế thừa hầu hết các quy định về quyền và nghĩa vụ của SGDCK trong Luật năm 2006. Tuy nhiên, để luật hóa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của SGDCK trên thực tế, bảo đảm cho SGDCK thực hiện tốt chức năng tổ chức và giám sát hoạt động giao dịch chứng khoán, Luật quy định rõ trách nhiệm của SGDCK trong việc giám sát giao dịch, giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của các thành viên giao dịch, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với thành viên, tổ chức có chứng khoán niêm yết, giao dịch tại SGDCK, nâng cao trách nhiệm của SGDCK trong việc phòng ngừa, xử lý rủi ro, khủng hoảng nhằm bảo đảm an toàn của TTCK... Luật cũng bổ sung trách nhiệm của cán bộ, nhân viên, người lao động của SGDCK trong khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định về bảo mật thông tin và pháp luật khác có liên quan.

- Niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán: Pháp luật hiện hành hiện nay chưa có quy định bảo đảm kiểm soát chặt chẽ thời gian từ khi đăng ký phát hành đến khi niêm yết, đăng ký giao dịch dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn, rủi ro thị trường trong khoảng thời gian nhà đầu tư đã mua cổ phần cho đến khi chính thức niêm yết, đăng ký giao dịch còn diễn ra phổ biến, gây khó khăn cho thanh khoản cổ phiếu. Để khắc phục những hạn chế trong niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán hiện nay, Luật quy định:

+ Chứng khoán đã chào bán ra công chúng, cổ phiếu của CTĐC, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục, chứng quyền có bảo đảm, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn do UBCKNN chấp thuận phải được niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

+ Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo đề nghị của tổ chức phát hành hoặc tổ chức được ủy quyền phát hành theo quy định của pháp luật.

+ Tổ chức phát hành nộp hồ sơ niêm yết, đăng ký giao dịch phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ niêm yết, đăng ký giao dịch. Tổ chức tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch, tổ chức kiểm toán, người ký báo cáo kiểm toán và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào xác nhận hồ sơ niêm yết đăng ký giao dịch phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ niêm yết, đăng ký giao dịch.

Để đảm bảo linh hoạt trong thực hiện, Luật giao Chính phủ quy định các loại chứng khoán khác phải được niêm yết, đăng ký giao dịch; việc phân bổ niêm yết, điều kiện niêm yết chứng khoán; hồ sơ, thủ tục niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; thay đổi, hủy bỏ niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán của tổ chức phát hành Việt Nam, tổ chức phát hành nước ngoài; việc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành Việt Nam ở nước ngoài.

- Về tạm ngừng, đình chỉ, khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của SGDCK: Để bảo đảm hoạt động an toàn của thị trường, Luật quy định UBCKNN thực

hiện tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của SGDCK Việt Nam và công ty con trong trường hợp như: Khi xảy ra chiến tranh, thảm họa tự nhiên, biến động lớn của nền kinh tế, sự cố hệ thống giao dịch hoặc các sự kiện bất khả kháng khác làm ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch bình thường của thị trường giao dịch chứng khoán; khi thị trường giao dịch chứng khoán có biến động bất thường hoặc trong trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và bảo đảm ổn định, an toàn, tính toàn vẹn của thị trường chứng khoán.

UBCKNN thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của SGDCK Việt Nam và công ty con khi những nguyên nhân dẫn đến việc tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của SGDCK Việt Nam và công ty con được khắc phục.

- Tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam: Nhằm triển khai việc mở cửa thị trường cho nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện từng bước theo lộ trình, bảo đảm dư địa cho các Bộ ngành trong đàm phán và ký kết các thỏa ước quốc tế, Luật quy định nguyên tắc nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi tham gia đầu tư, hoạt động trên TTCK Việt Nam tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, điều kiện, trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về chứng khoán và giao Chính phủ quy định chi tiết.

5. Đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán

- Mô hình tổ chức và hoạt động, bộ máy quản lý, điều hành của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam: Được quy định tương tự như SGDCK.

- Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam: Luật năm 2006 chưa bao quát hết chức năng, nhiệm vụ trên thực tế của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, Luật bổ sung một số quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam như sau:

+ Bổ sung một số quyền, như: (i) Đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (ii) Thực hiện cấp mã chứng khoán trong nước và mã số định danh chứng khoán quốc tế cho các loại chứng khoán đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (iii) Được sử dụng các nguồn hỗ trợ thanh toán trong trường hợp thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tạm thời mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật.

+ Bổ sung một số nghĩa vụ, như: (i) công bố thông tin theo quy định của pháp luật; (ii) Giám sát hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; giám sát tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng khoán và TTCK; giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (ii) Có trách nhiệm bảo mật thông tin liên quan đến sở hữu của khách hàng; từ chối việc phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản, trích lục, sao chép thông tin sở hữu chứng khoán của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc yêu cầu cung cấp thông tin của kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty lưu

ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, báo cáo tài chính của thành viên lưu ký theo quy định của pháp luật; (iii) Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chứng khoán và TTCK cho nhà đầu tư; (iv) Cung cấp thông tin và phối hợp với SGDCCK Việt Nam trong hoạt động nghiệp vụ chứng khoán và cơ quan có thẩm quyền trong công tác điều tra, phòng, chống vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; (v) Quản lý tách biệt tài sản của các quỹ hỗ trợ thanh toán, quỹ bù trừ, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ theo quy định của pháp luật; (vi) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

+ Quy định cán bộ, nhân viên, người lao động của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải tuân thủ quy định của pháp luật về chứng khoán và TTCK, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định về bảo mật thông tin và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam: Luật năm 2006 mới chỉ có quy định về thành viên lưu ký. Tuy nhiên, đối với TTCK phái sinh - thị trường mang tính đặc thù, thành viên của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam còn bao gồm thành viên bù trừ. Do vậy, Luật năm 2019 đã quy định thành viên của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm thành viên lưu ký và thành viên bù trừ để phù hợp với thực tế.

- Hoạt động nghiệp vụ:

+ Về lưu ký chứng khoán: Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong giao dịch dân sự, tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết tranh chấp về giao dịch bảo đảm trong trường hợp chủ sở hữu chứng khoán sử dụng chứng khoán cầm cố, thế chấp với nhiều bên, Luật bổ sung quy định Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

+ Bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán: Luật đã quy định bảo đảm bao quát hết các nguyên tắc bù trừ cho các thị trường, làm rõ vai trò của tổ chức tham gia thanh toán giao dịch chứng khoán và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các biện pháp xử lý trong trường hợp thành viên của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tạm thời mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán.

+ Tương tự như quy định về tạm ngừng, đình chỉ, khôi phục hoạt động giao dịch của SGDCCK, Luật đã bổ sung một điều (Điều 68) quy định các trường hợp áp dụng biện pháp tạm ngừng, đình chỉ, khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- Về ngân hàng thanh toán: Với tư cách là tổ chức phụ trợ trên TTCK, ngân hàng thanh toán cung cấp dịch vụ thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán trên SGDCCK. Nhằm luật hóa quy định về tổ chức này, Luật đã bổ sung quy định về điều kiện đăng ký; quyền, nghĩa vụ của ngân hàng thanh toán và giao Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký làm ngân hàng thanh toán.

6. CTCK , CTQLQ đầu tư chứng khoán

- Về điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của CTCK, của CTQLQ đầu tư chứng khoán: Nhằm bảo đảm điều kiện thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của CTCK, CTQLQ đầu tư chứng khoán phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong điều kiện quy mô thị trường ngày càng lớn, Luật đã sửa đổi, bổ sung chuẩn hóa các quy định về điều kiện trong Luật này bao gồm điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn, về cơ cấu cổ đông, thành viên góp vốn, về cơ sở vật chất, về nhân sự. Đối với điều kiện về vốn, Luật giao Chính phủ quy định để bảo đảm tính linh hoạt.

- Về cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của CTCK, CTQLQ, chi nhánh CTCK, CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam và đăng ký doanh nghiệp: Luật đã sửa đổi quy định về cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với CTCK, CTQLQ theo hướng tách thành 02 hoạt động: (i) Cơ quan quản lý về chứng khoán và TTCK (UBCKNN) cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán cho CTCK, CTQLQ và chi nhánh CTCK, CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam (ii) Sau khi được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, CTCK, CTQLQ và chi nhánh CTCK, CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam phải đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, chi nhánh CTCK và CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam phải đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong CTCK, CTQLQ: Luật đã luật hóa, bổ sung quy định này, thể hiện rõ việc thực hiện cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO trong lĩnh vực chứng khoán.

- Về hoạt động của CTCK, CTQLQ:

+ Nhằm duy trì chất lượng, hiệu quả hoạt động của CTCK, CTQLQ, Luật đã bổ sung quy định về trách nhiệm của các chủ thể này phải tuân thủ và duy trì các điều kiện cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán. Trường hợp không duy trì các điều kiện theo quy định, CTCK, CTQLQ phải thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc bị hạn chế hoạt động.

+ Nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động nghiệp vụ của CTCK, Luật năm 2019 đã sửa đổi theo hướng quy định rõ các dịch vụ CTCK được cung cấp khi được cấp phép các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. Đồng thời, quy định rõ CTCK chỉ được cung cấp dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định pháp luật có liên quan sau khi báo cáo UBCKNN bằng văn bản. UBCKNN có quyền yêu cầu tạm ngừng, đình chỉ việc cung cấp dịch vụ khác của công ty nếu thấy trái với quy định pháp luật và gây rủi ro hệ thống TTCK.

+ Về quản lý tài sản của khách hàng: Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, tuân thủ các nguyên tắc về tách biệt và bảo vệ tài sản của khách hàng theo nguyên tắc của IOSCO, thuận tiện trong việc xử lý các trường hợp CTCK, CTQLQ giải thể, phá sản, Luật bổ sung quy định rõ tài sản của khách hàng do CTCK tiếp nhận và quản lý, tài sản của khách hàng ủy thác trên tài khoản lưu ký của CTQLQ là tài sản của khách hàng, không phải của CTCK, CTQLQ. Trường hợp CTQLQ giải thể hoặc bị phá

sản, các tài sản này phải được hoàn trả cho khách hàng sau khi trừ đi nghĩa vụ nợ phải trả của khách hàng đối với CTQLQ.

- Về nghĩa vụ của CTCK, chi nhánh CTCK nước ngoài tại Việt Nam; CTQLQ, chi nhánh CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam: bên cạnh kế thừa các quy định tại Luật năm 2006, Luật năm 2019 đã bổ sung một số nghĩa vụ khác như: xây dựng hệ thống, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục; thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính,... bổ sung một số nghĩa vụ khi quản lý tài sản ủy thác, CTQLQ phải lưu ký toàn bộ tài sản ủy thác, đảm bảo nguyên tắc độc lập và tách biệt tới từng khách hàng ủy thác, tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính CTQLQ đầu tư chứng khoán .

- Về hạn chế đối với CTCK, CTQLQ đầu tư chứng khoán, chi nhánh CTCK và CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam: Nhằm để tránh xung đột lợi ích giữa CTCK, CTQLQ đầu tư chứng khoán và khách hàng, Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định hạn chế đối với CTCK, CTQLQ, chi nhánh CTCK, CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam, cụ thể như:

+ Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định.

+ Không được tiết lộ thông tin về khách hàng, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

+ Không được thực hiện hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán.

+ Cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn khi thành lập của CTCK, CTQLQ đầu tư chứng khoán không được chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp giấy phép, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn khi thành lập công ty.

+ CTCK, CTQLQ đầu tư chứng khoán, chi nhánh CTCK và CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán với danh nghĩa của chính mình; không được sử dụng danh nghĩa tổ chức, cá nhân khác hoặc cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng danh nghĩa của mình để kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán.

+ CTCK không được góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của 01 CTCK khác tại Việt Nam (trừ các trường hợp mua để thực hiện hợp nhất, sáp nhập; Mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan (nếu có) sở hữu không quá 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của CTCK niêm yết, đăng ký giao dịch).

- CTQLQ đầu tư chứng khoán không được góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của 01 CTQLQ đầu tư chứng khoán khác tại Việt Nam (trừ các trường hợp mua để thực hiện hợp nhất, sáp nhập; mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan (nếu có) sở hữu không quá 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của CTQLQ đầu tư chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch).

- Về tổ chức lại, đình chỉ và thu hồi Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán: Luật năm 2006 chưa đề cập đến đình chỉ, thu hồi Giấy phép hoạt động của chi nhánh CTCK, CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam. Do vậy, Luật năm 2019 đã bổ sung quy định này bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong quy định của Luật. Đồng thời, để quản lý chặt chẽ hoạt động của CTQLQ, Luật bổ sung quy định CTQLQ bị thu hồi Giấy phép nếu trong thời hạn 02 năm liên tục kể từ ngày được cấp giấy phép mà CTQLQ không tiến hành hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ.

- Về hành nghề chứng khoán: Để nâng cao chất lượng đội ngũ người hành nghề chứng khoán, bảo đảm quản lý chặt chẽ hoạt động hành nghề chứng khoán, Luật sửa đổi, bổ sung quy định rõ các loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán; chuẩn hóa các điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán về năng lực hành vi, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cá nhân được cấp chứng chỉ; bổ sung, quy định rõ người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được hành nghề chứng khoán với tư cách đại diện cho CTCK, CTQLQ và chi nhánh CTCK, CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam.

7. Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát

Về cơ bản các quy định về vấn đề này được kế thừa từ quy định tại Luật năm 2006. Một số nội dung quy định về hạn chế đối với quỹ đại chúng được sửa đổi trên cơ sở tham khảo thông lệ quốc tế, phù hợp với thực trạng quản lý quỹ tại Việt Nam. Việc chào bán, thành lập, tổ chức lại các loại hình quỹ, Luật giao Chính phủ quy định. Đối với hoạt động của các loại hình quỹ thường mang tính kỹ thuật Luật quy định thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và pháp luật khác có liên quan.

8. Công bố thông tin

Để khắc phục bất cập, hạn chế của Luật năm 2006, đồng thời tiếp cận với thông lệ quốc tế, nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch của TTCK, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật như giao dịch nội bộ, thao túng doanh nghiệp bất hợp pháp, Luật năm 2019 đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

- Về đối tượng công bố thông tin: Luật bổ sung các đối tượng phải công bố thông tin như: tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng; tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp; cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của CTĐC; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của CTĐC, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

- Nguyên tắc công bố thông tin: phải đầy đủ, chính xác, kịp thời; đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin,...

- Nội dung công bố thông tin của các đối tượng: Luật quy định các nội dung công bố thông tin cơ bản của các đối tượng phải công bố trên cơ sở luật hóa quy định đã được áp dụng ổn định tại văn bản dưới luật, đồng thời bảo đảm thống nhất với Luật Doanh nghiệp.

Nội dung, thời hạn, phương thức, ngôn ngữ công bố thông tin của từng đối tượng được Luật giao Bộ Tài chính quy định để bảo đảm tính linh hoạt trong thực tiễn triển khai.

9. Về thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại

- Thẩm quyền của UBCKNN trong thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm:

Luật năm 2019 đã bổ sung một số quyền cho UBCKNN như: (i) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, đến làm việc liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra; (ii) Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng tại Việt Nam cung cấp thông tin liên quan đến giao dịch trên tài khoản của khách hàng đối với các trường hợp có dấu hiệu thực hiện hành vi bị cấm trong hoạt động chứng khoán và TTCK; (iii) Yêu cầu doanh nghiệp viễn thông cung cấp tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, thời gian gọi để xác minh, xử lý các hành vi bị cấm. Quy định của Luật đã khắc phục hạn chế của Luật năm 2006, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế, phòng, chống vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán đạt hiệu quả, bảo đảm phù hợp với các luật khác có liên quan như Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Viễn thông...

- Mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính về chứng khoán:

Để có chế tài đủ mạnh, nâng cao tính răn đe, phòng ngừa, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trên thị trường, Luật quy định mức phạt tối đa theo hướng: đối với một số hành vi vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng đến tính minh bạch, an toàn của thị trường như thao túng thị trường, giao dịch nội bộ... thì mức phạt tiền tối đa là mười (10) lần khoản thu trái pháp luật đối với tổ chức và năm (5) lần khoản thu trái pháp luật đối với cá nhân; đối với các hành vi vi phạm khác quy định mức phạt tiền tối đa là 03 tỷ đồng đối với tổ chức và 1,5 tỷ đồng đối với cá nhân.

10. Điều khoản thi hành

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Luật quy định cụ thể điều khoản chuyển tiếp đối với một số hoạt động phát sinh trước thời điểm hiệu lực của Luật này bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực hiện Luật, cụ thể:

- Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, CTCK, CTQLQ đầu tư chứng khoán, chi nhánh CTCK và CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam đã được cấp giấy phép trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện cấp phép theo quy định sau đây:

+ CTCK phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện cấp phép theo quy định tại khoản 1, điểm c và điểm d khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 74 của Luật này;

+ CTQLQ đầu tư chứng khoán phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện cấp phép theo quy định tại khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 75 của Luật này;

+ Chi nhánh CTCK nước ngoài tại Việt Nam phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện cấp phép theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 76 của Luật này;

+ Chi nhánh CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện cấp phép theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 76 của Luật này.

- Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, CTCK, CTQLQ đầu tư chứng khoán, chi nhánh CTCK và CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam đã được cấp giấy phép trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 71 của Luật này; không phải thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ trường hợp có yêu cầu.

Sau 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, CTCK, CTQLQ đầu tư chứng khoán, chi nhánh CTCK và CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam đã được cấp giấy phép trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, UBCKNN thực hiện đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép theo quy định của Luật này.

- Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân khác đã được UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp phép, chấp thuận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện thủ tục cấp phép, chấp thuận lại theo quy định của Luật này.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp phép, chấp thuận đến UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa được cấp phép hoặc chưa được chấp thuận thì phải thực hiện theo quy định của Luật này.

- CTĐC có cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà vẫn đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành thì không bị hủy tư cách CTĐC, không bị hủy niêm yết, đăng ký giao dịch, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- CTĐC có cổ phiếu chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Luật này thì bị hủy tư cách CTĐC.

- Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, SGDCK Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải hoạt động theo quy định của Luật này.

Các SGDCK và Trung tâm lưu ký chứng khoán đã thành lập và hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành tiếp tục tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2010/QH12 cho đến khi SGSC Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoạt động theo quy định của Luật này.

IV. TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT

Luật Chứng khoán 2019 được thông qua và có hiệu lực sẽ tạo lập khuôn pháp lý đồng bộ, khả thi, hiệu quả, phù hợp, đáp ứng với yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK, qua đó, tạo động lực thúc đẩy TTCK tiếp tục phát triển một cách bền vững.

Những sửa đổi, bổ sung nêu trên sẽ tạo cơ sở, nền tảng pháp lý cho giai đoạn phát triển mới của TTCK, góp phần cải thiện chất lượng nguồn cung, thu hút vốn đầu tư của nhà đầu tư trong và ngoài nước trên TTCK, giúp nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của các chủ thể tham gia thị trường, tăng cường tính công khai, minh bạch, bảo đảm thị trường hoạt động an toàn, hiệu quả; đồng thời, tạo cơ sở để nâng cao năng lực quản lý, giám sát và cưỡng chế thực thi, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, tăng niềm tin của thị trường. Qua đó, khuyến khích mạnh mẽ tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân tham gia đầu tư và hoạt động trên TTCK, tạo ra kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả hơn cho nền kinh tế.

V. TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

1. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết và hướng dẫn triển khai thực hiện Luật

Ngày 06/01/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 24/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, bộ luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 8. Theo đó:

- Bộ Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan soạn thảo trình Chính phủ ban hành 06 nghị định, bao gồm:

- + Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- + Nghị định quy định về chứng khoán phái sinh và TTCK phái sinh;
- + Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng đối với CTĐC;
- + Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK.
- + Nghị định thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
- + Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng
- + Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan soạn thảo trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều (hoặc thay thế) Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và ban hành 11 thông tư.

2. Tuyên truyền, phổ biến Luật

Đề nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về các nội dung mới của Luật, tạo thuận lợi cho việc triển khai Luật, các cơ quan, tổ chức, địa phương triển khai tuyên truyền, phổ biến Luật bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả, cụ thể:

- Tổ chức các hội nghị phổ biến, tuyên truyền Luật cho các thành viên TTCK toàn quốc;

- Tổ chức thông tin, truyền thông các nội dung của Luật trên các phương tiện thông tin, truyền thông.

- Tổ chức biên soạn các tài liệu tuyên truyền, phổ biến Luật phục vụ công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật./.